

Số: 34 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 45/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định thẩm quyền quản lý cán bộ các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế và các Ban Quản lý có tên gọi khác thuộc Bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT- BKHĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tại Tờ trình số 24/TTr-KCNĐN ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Văn bản số 2799/KCNĐN-VP ngày 04 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2016

của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KT VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS, KGVX, TTHCC, KTN. (50b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng



QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 34 /2021/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (sau đây gọi là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp, quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

2. Ban Quản lý do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các Bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý khu công nghiệp.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân; tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm và nguồn kinh phí khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trụ sở Ban Quản lý đặt tại số 26, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (viết tắt là Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT), cụ thể:

1. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý đầu tư quy định tại điểm c khoản 1, điểm b, điểm e, điểm h, điểm k và điểm l khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 82/2018/NĐ-CP); Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm

2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, gồm:

a) Đăng ký đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thỏa thuận ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn, triển khai dự án đầu tư và việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư; định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trong khu công nghiệp và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghiệp và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển khu công nghiệp;

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình xây dựng và phát triển khu công nghiệp; tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Đầu tư và văn bản quy định chi tiết thi hành.

2. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý môi trường được giao quy định tại Điều 43, Điều 44, điểm đ khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

a) Thực hiện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm định, thẩm định lại, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; chấp thuận về môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan, lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí theo quy định gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái;

c) Thực hiện thủ tục lấy ý kiến các cơ quan liên quan, xem xét, chứng nhận doanh nghiệp sinh thái;

d) Thực hiện các nội dung quản lý và bảo vệ môi trường khu công nghiệp khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được ủy quyền.

3. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý xây dựng được phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng thuộc thẩm quyền của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các dự án, công trình trong khu công nghiệp;

b) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong khu công nghiệp phải có Giấy phép xây dựng;

c) Thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án trong khu công nghiệp.

4. Ban Quản lý phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý quy hoạch được giao, ủy quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63, điểm a khoản 1 Điều 64 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Điều chỉnh quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt của khu công nghiệp nhưng không làm thay đổi cơ cấu quy hoạch theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án trong khu công nghiệp thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý lao động được Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở quản lý chuyên ngành ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Cấp, cấp lại Giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp; xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

b) Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được;

c) Tổ chức thực hiện đăng ký nội quy lao động, tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể; tiếp nhận đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp;

d) Nhận báo cáo về việc cho thôi việc nhiều người lao động, cho thuê lại lao động, kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hàng năm của doanh nghiệp trong khu công nghiệp;

đ) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày;

e) Tiếp nhận khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động; nhận thông báo về việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong khu công nghiệp;

g) Nhận thông báo về địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong khu công nghiệp;

h) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

6. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý thương mại được giao, ủy quyền quy định tại điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp theo quy định pháp luật về thương mại;

b) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp theo ủy quyền của Bộ Công Thương.

7. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý đất đai được giao quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

Tiếp nhận đăng ký khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất và phí hạ tầng khu công nghiệp của nhà đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

8. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý khoa học và công nghệ theo phân cấp, hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 53 và điểm e khoản 1 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Ban Quản lý phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ, đánh giá công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp;

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong khu công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại khoản 10, khoản 14 Điều 60, khoản 1 Điều 61, điểm a, điểm b khoản 1 và điểm q khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định khác có liên quan, gồm:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý, Đề án thành lập, tổ chức lại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án chuyển đổi, phát triển khu công nghiệp sinh thái và các mô hình khu công nghiệp mới;

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan khác để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa hoặc một cửa liên thông;

d) Tham gia ý kiến với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch có liên quan đến hoạt động đầu tư, phát triển khu công nghiệp;

đ) Ban Quản lý phối hợp cung cấp thông tin về quy hoạch phát triển khu công nghiệp, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp. Ban Quản lý cung cấp thông tin về giá cho thuê đất và tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, định hướng và ngành, nghề thu hút đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư vào khu công nghiệp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật cho các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư vào khu công nghiệp và các bên liên quan;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

2. Lãnh đạo Ban Quản lý

a) Ban Quản lý có 01 Trưởng ban và không quá 03 (ba) Phó Trưởng ban;

b) Trưởng ban là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của khu công nghiệp; phối hợp với người đứng đầu các Sở, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý;

c) Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

d) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế, Ban Quản lý có các phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Quản lý Đầu tư;
- c) Phòng Quản lý Doanh nghiệp;
- d) Phòng Quản lý Lao động;
- đ) Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng;
- e) Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường;

4. Văn phòng đại diện tại khu công nghiệp

Ban Quản lý có 01 Văn phòng đại diện tại các khu công nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng ban giao.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập:

Ban Quản lý có 02 đơn vị sự nghiệp công lập

- a) Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ khu công nghiệp;
- b) Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật.

Điều 4. Biên chế và kinh phí hoạt động

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Kinh phí do Ngân sách Nhà nước khoán theo biên chế và số lượng dự án đầu tư mới và dự án tăng vốn đầu tư trong khu công nghiệp.

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Ban Quản lý làm việc theo chế độ thủ trưởng, thực hiện giao ban 02 tuần một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho 02 tuần kế tiếp; xây dựng lịch làm việc hàng tuần.

2. Định kỳ 6 tháng một lần, Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức họp giao ban với các doanh nghiệp khu công nghiệp, họp giao ban với các doanh nghiệp kinh doanh phát triển hạ tầng khu công nghiệp để trao đổi thông tin, giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Quan hệ với các Bộ, ngành Trung ương

1. Thực hiện theo ủy quyền và hướng dẫn của các Bộ, ngành trong việc quản lý chuyên ngành đối với các khu công nghiệp.
2. Có trách nhiệm thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ, kịp thời báo cáo các khó khăn vướng mắc để các Bộ, ngành có hướng chỉ đạo, giải quyết.

Điều 7. Quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quản lý khu công nghiệp. Đối với những vấn đề vướng mắc vượt thẩm quyền trong việc xây dựng và quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý kịp thời báo cáo để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

Điều 8. Quan hệ với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan của tỉnh

1. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan của tỉnh trong công tác quản lý các khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.
2. Ban Quản lý chủ trì xây dựng Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.
3. Thanh tra chuyên ngành thuộc các sở, ngành có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý trong việc thanh tra và quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền theo quy định.
4. Hằng năm, rà soát, đánh giá khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong việc thực hiện Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan khác, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi Quy chế phối hợp; đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành có liên quan để làm cơ sở rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý.

Điều 9. Quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa về các nội dung: bồi thường giải tỏa, xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động tập thể, đình công, môi trường, an ninh trật tự, dịch vụ khu công nghiệp.

Điều 10. Quan hệ với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

1. Đôn đốc, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, đầu tư đảm bảo đúng tiến độ, đúng quy hoạch thiết kế; trao đổi giải quyết những vấn đề phát sinh trong khu công nghiệp.



2. Định kỳ hàng quý các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp có trách nhiệm báo cáo các nội dung liên quan đến xây dựng, kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp cho Ban Quản lý.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát định kỳ 1 năm 2 lần đối với các Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN và các doanh nghiệp trong KCN có giấy phép xả thải trực tiếp.

Điều 11. Quan hệ với các doanh nghiệp trong KCN

Quản lý các hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, doanh nghiệp chế xuất hoạt động theo đúng quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, điều lệ doanh nghiệp và các loại giấy phép, giấy chứng nhận do Ban Quản lý cấp; cung cấp những thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật mới ban hành, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện, đồng thời Ban Quản lý phối hợp các sở, ban, ngành của tỉnh giám sát, kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trưởng ban Ban Quản lý có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định này.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý sau khi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan./.